

RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH KĨ NĂNG TỰ HỌC THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC PHẦN SINH HỌC VI SINH VẬT, SINH HỌC 10

PHAN ĐỨC DUY* - LÊ THỊ NGỌC TRÂM**

Ngày nhận bài: 01/08/2017; ngày sửa chữa: 10/08/2017; ngày duyệt đăng: 15/08/2017.

Abstract: *Experiential learning is the process of learning through experience, and is more specifically defined as learning through reflection on doing with aim to develop necessary skills for learners, including self-learning. In this article, authors introduce a model of organizing experiential learning activities to train self-study ability for learners. Also, the article provides an illustration of experiential learning activity to train self-learning ability for students in teaching Microorganism, Biology grade 10.*

Keywords: *Experiential learning, self-learning ability, experience, teaching, microorganism, biology.*

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, khối lượng tri thức của nhân loại tăng lên một cách nhanh chóng, người học có thể tiếp nhận tri thức qua nhiều phương tiện. Vì vậy, xu hướng của giáo dục thay đổi từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học. Dạy học (DH) không chỉ đơn thuần là truyền đạt tri thức cho học sinh (HS) mà cần phải rèn luyện cho HS các kĩ năng (KN) học tập trong đó đặc biệt chú trọng đến kĩ năng tự học (KNTH) nhằm giúp người học tự nghiên cứu, tìm hiểu và chiếm lĩnh tri thức.

Những kiến thức về vi sinh vật (VSV) đã được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn sản xuất và đời sống. Vì vậy, trong DH phần Sinh học VSV giáo viên (GV) cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm (HĐTN) qua đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cá nhân, cộng đồng. Đặc biệt là rèn luyện KNTH biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo. Thông qua trải nghiệm thực tế giúp HS nắm kiến thức một cách sâu sắc hơn, hệ thống, lâu bền hơn.

2. Nội dung

2.1. Kỹ năng tự học

Theo Trần Thị Minh Hằng: KNTH là những phương thức thể hiện hành động tự học thích hợp, tương ứng với mục đích và những điều kiện hoạt động, hình thành kĩ xảo đúng trong hoạt động tự học đảm bảo cho hoạt động tự học có được kết quả. Nếu xét theo loại hình công việc thì KNTH bao gồm các KN: lập kế hoạch, đọc sách, giải quyết nhiệm vụ học tập, tự kiểm tra và đánh giá [2; tr 55].

KNTH được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động tự học. KNTH bao gồm KN: xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn tài liệu, lựa chọn hình thức tự học, xử lí thông tin, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kiểm tra, đánh giá.

Như vậy KNTH là các KN thực hiện có hiệu quả các hoạt động tự học, trong đề tài này chúng tôi đề cập đến việc tập trung rèn luyện các KNTH cho HS bao gồm KN: - Xây dựng kế hoạch học tập; - Thực hiện kế hoạch học tập gồm:

+ Thu nhận thông tin; + Xử lí thông tin; + Vận dụng kiến thức, thông tin.

2.2. Hoạt động trải nghiệm

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ GD-ĐT (2017): HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó HS dựa trên sự tổng hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực giáo dục và nhóm KN khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình và tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và một số năng lực thành phần đặc thù của hoạt động này: năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực thích ứng với sự biến động của nghề nghiệp và cuộc sống [1].

Theo Ngô Thị Tuyên: HĐTN trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động có động cơ, có đối tượng để chiếm lĩnh, được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của HS, được thực hiện trong thực tế, được sự định hướng, hướng dẫn của nhà trường. Đối tượng để trải nghiệm nằm trong thực tiễn. Qua trải nghiệm, người học có được kiến thức, KN, tình cảm và ý chí nhất định. Sự sáng tạo sẽ có được khi phải giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn phải vận dụng kiến thức, KN đã có để giải quyết vấn đề, ứng dụng trong tình huống mới, không theo chuẩn đã có, hoặc nhận biết được vấn đề trong các tình huống tương tự, độc lập nhận ra chức năng mới của đối tượng, tìm kiếm và phân tích được các yếu tố của đối tượng trong các mối tương quan của nó, hay độc lập tìm kiếm ra giải pháp thay thế và kết hợp được các phương pháp đã biết để đưa ra hướng giải quyết mới cho một vấn đề [4].

HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó GV là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn để HS bằng vốn kinh nghiệm của cá nhân kết hợp với trực tiếp tham gia và làm chủ thể của hoạt động học tập, qua đó HS chiếm lĩnh tri thức, hình thành các KNTH.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

** Trường Trung học phổ thông Hướng Hoá, Quảng Trị

2.3. Nội dung rèn luyện KNTH thông qua các HĐTN trong dạy học phần Sinh học VSV. Những nội dung rèn luyện KNTH thông qua các HĐTN sáng tạo được liệt kê trong *bảng 1*.

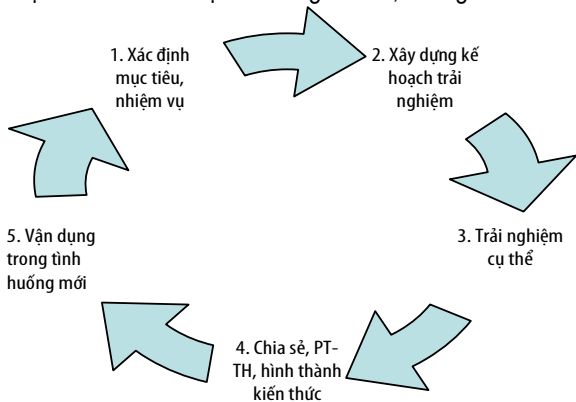
kế mô hình tổ chức HĐTN để rèn luyện KNTH phù hợp với việc giảng dạy môn Sinh học ở trường THPT gồm 5 giai đoạn (xem *hình 1*).

Bảng 1. Nội dung rèn luyện KNTH thông qua các HĐTN trong DH phần Sinh học VSV

STT	Bài	Nội dung kiến thức để thiết kế và tổ chức và HĐTN	Các HĐTN sáng tạo để rèn luyện KNTH cho HS
1	Bài 23: Quá trình tổng hợp và phân giải các chất ở VSV	- Quá trình tổng hợp và phân giải các chất của VSV. - Ứng dụng quá trình tổng hợp và phân giải các chất của VSV. + Lợi dụng đặc tính tổng hợp protein của VSV con người sản xuất nhiều loại nấm như: nấm hương, nấm rơm, nấm mỡ... là những thực phẩm quý. + Quá trình phân giải ngoại bào ở VSV được ứng dụng trong quá trình lên men truyền thống, ủ rác làm phân hữu cơ, xử lí nước thải...	Chủ đề 1: Tìm hiểu ứng dụng của quá trình tổng hợp và phân giải các chất của VSV tại địa phương: - Trải nghiệm tìm hiểu thực tế ứng dụng quá trình tổng hợp và phân giải các chất của VSV ở địa phương. - Đề xuất quy trình nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực nghiệm để chứng minh hiệu quả của các biện pháp đề xuất. - Báo cáo trải nghiệm qua hội thi Nhà sản xuất tương lai.
2	Bài 25: Sinh trưởng của VSV	- Sự sinh trưởng của vi khuẩn trong môi trường nuôi cấy không liên tục và trong môi trường nuôi cấy liên tục. - Thực phẩm thường giàu dinh dưỡng và nước thuận lợi cho sự sinh trưởng của VSV.	Chủ đề 2: Sinh trưởng của VSV và vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) tại địa phương: - Trải nghiệm, điều tra thực trạng bảo quản, chế thực phẩm tại địa phương. + Tìm hiểu các khái niệm: thực phẩm, ATVSTP, ngộ độc thực phẩm. + Tìm hiểu những nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm. + Tìm hiểu thực trạng bảo quản và chế biến thực phẩm tại các hộ gia đình và các cửa hàng kinh doanh thực phẩm. - Đánh giá thực trạng ATVSTP tại địa phương.
3	Bài 26 : Sinh sản của VSV	- Nội bào tử và bào tử sinh sản. - Vai trò và tác hại của sự sinh sản của VSV, vận dụng những hiểu biết về sinh sản của VSV trong chế biến và bảo quản thực phẩm.	
4	Bài 27: Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của VSV.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của VSV(yếu tố hóa học, yếu tố vật lí). Vận dụng để kích thích hoặc ức chế sự sinh trưởng của VSV.	
5	Bài 29: Cấu trúc các loại virut	- Khái niệm virut - Cấu tạo virut, hình thái của một số loại virut.	Chủ đề 3: Virut và bệnh truyền nhiễm (BTN) tại địa phương: - Tìm hiểu một số BTN do virut ở địa phương như: bệnh viêm gan B, bệnh cúm ở người, bệnh dại, HIV/AIDS... + Tên tác nhân gây bệnh, đặc điểm của tác nhân gây bệnh. + Phương thức lây truyền. + Triệu chứng bệnh. + Tình hình nhiễm bệnh ở địa phương. + Các biện pháp phòng tránh. - Cuộc thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống các BTN.
6	Bài 30: Sự nhân lên của virut trong tế bào chủ	- Chu trình nhân lên của virut trong tế bào chủ. - Khái niệm, các con đường lây nhiễm, các giai đoạn phát triển của bệnh, biện pháp phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS.	
7	Bài 31: Virut gây bệnh. Ứng dụng của virut trong thực tiễn.	- Virut kí sinh ở động vật. - Ứng dụng của virut trong thực tiễn.	
8	Bài 32: Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch.	- Khái niệm BTN và các phương thức lây truyền. - Các BTN thường gặp do virut. - Các loại miễn dịch. - Cách phòng chống BTN.	

2.4. Quy trình tổ chức các HĐTN để rèn luyện KNTH cho HS

Dựa trên nghiên cứu lí thuyết học tập trải nghiệm và thực tiễn DH Sinh học ở trường THPT, chúng tôi đã thiết



Hình 1. Mô hình HĐTN để rèn luyện KNTH

(1) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ trải nghiệm trong đó yêu cầu HS: + Xác định các mục tiêu (về kiến thức, KN, thái độ) cần đạt được; + Xác định được nhiệm vụ: HS cần xác định được những việc cần phải làm để đạt được mục tiêu và mục đích của hoạt động; + Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để nhận nhiệm vụ phù hợp; + Có thể nêu ý kiến, phản hồi về nhiệm vụ để GV phải giải thích rõ hơn về nhiệm vụ trước khi bắt đầu trải nghiệm.

- GV cần quan tâm khai thác vốn kinh nghiệm của HS: Trong một lớp học, mỗi HS sẽ có một vốn kinh nghiệm khác nhau về nội dung có liên quan đến HĐTN. Khi phân nhóm giao nhiệm vụ cần chú ý phải vừa sức và tạo điều kiện khai thác tối đa kinh nghiệm cá nhân HS.

(2) Xây dựng kế hoạch trải nghiệm:

- GV cần hướng dẫn HS xây dựng được kế hoạch trải nghiệm của cá nhân, của nhóm một cách chi tiết, cụ thể.

- Trong bản kế hoạch trải nghiệm cần xác định được yêu cầu cần đạt, thời gian, nội dung công việc, địa điểm, sản phẩm, cá nhân thực hiện.

(3) Trải nghiệm cụ thể:

- Dựa trên vốn hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân và sự hướng dẫn của GV trong các nhiệm vụ, HS sẽ trải nghiệm, thực hiện nhiệm vụ của hoạt động: + Đối với các nhiệm vụ trải nghiệm tại gia đình, thôn xóm, GV cần phải phối hợp tốt với phụ huynh và người dân để đảm bảo cho HS trải nghiệm đúng yêu cầu; + Đối với các nhiệm vụ trải nghiệm được tổ chức tập trung ở lớp, phòng học bộ môn GV cần quản lý tốt HS đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trải nghiệm.

- GV cần sắp xếp thời gian để cùng tham gia trải nghiệm với HS, qua đó kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh HĐTN theo đúng yêu cầu.

(4) Chia sẻ, PT-TH hình thành kiến thức

- Sau khi trải nghiệm thực tế mỗi HS sẽ thu được kết quả nhất định. Sau đó các thành viên trong nhóm sẽ chia sẻ kết quả cho nhau, cùng thống nhất kết quả của nhóm. Tiếp theo, dưới sự điều hành của GV các nhóm sẽ chia sẻ, phân tích kết quả.

- HS cùng thảo luận, phân tích quá trình trải nghiệm, HS đối chiếu, phản hồi giữa thực tế và kinh nghiệm giữa các HS trong lớp với nhau.

- GV nêu những câu hỏi định hướng nhằm giúp HS phân tích, xử lý các kinh nghiệm thu được thông qua trải nghiệm.

- HS tự hình thành kiến thức mới cho bản thân và phát triển các KNTH dưới sự hướng dẫn của GV. Đồng thời HS dựa trên kết quả của bản thân, của nhóm để đối chiếu với các nhóm khác, tự đánh giá lại quá trình trải nghiệm của bản thân.

- GV cần điều chỉnh, giải đáp kịp thời các thắc mắc, hoài nghi của HS.

(5) Vận dụng trong tình huống mới:

- HS sử dụng những kiến thức mới và KNTH đã có để áp dụng vào tình huống tương tự trong học tập và trong cuộc sống.

2.5. Minh họa quy trình tổ chức các HĐTN để rèn luyện KNTH cho HS trong dạy học phần Sinh học VSV, SH10

Tên hoạt động: Hội thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống BTN

Cuối chuyên đề virut và BTN (Chương 3, phần Sinh học VSV, SH10), sau khi tìm hiểu lí thuyết về virut, BTN và miễn dịch, GV có thể tổ chức cho HS trải nghiệm tham gia cuộc thi vẽ tranh tuyên truyền phòng chống BTN phổ biến tại địa phương.

(1) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ:

- Chia HS trong lớp làm 4 nhóm (Mỗi nhóm khoảng 8-10 HS).

- GV giao nhiệm vụ: Vẽ tranh tuyên truyền phòng chống BTN: *Nhóm 1*) Tuyên truyền phòng chống bệnh viêm gan B; *Nhóm 2*) Tuyên truyền phòng chống bệnh dại; *Nhóm 3*) Tuyên truyền phòng chống bệnh cúm ở người; *Nhóm 4*) Tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS.

- GV gợi ý cho HS xác định mục tiêu của hoạt động:

* **Kiến thức:** + Khắc sâu kiến thức về virut, BTN và miễn dịch; + Phân tích nguyên nhân, triệu chứng của một số BTN phổ biến tại địa phương; + Giải thích được việc cần thiết phải tiêm vaccin đầy đủ để phòng bệnh.

* **Kĩ năng:** + Rèn luyện các KN tư duy: Phân tích-tổng hợp, so sánh, khái quát hóa; + Rèn luyện KNTH (KN xây dựng kế hoạch học tập: HS xây dựng được kế hoạch học tập chi tiết, hợp lí, có tính khả thi cao; KN thu thập thông tin: HS thu thập được nhiều thông tin hữu ích về các BTN, phù hợp với yêu cầu của các nhiệm vụ học tập; KN xử lí thông tin: HS tổng hợp thông tin thu được, phân tích, đánh giá và chọn lọc các thông tin để đưa vào tranh tuyên truyền một cách hợp lí; KN vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Giải thích một số biện pháp phòng chống các BTN của các tổ chức y tế hiện nay. Biết cách phòng chống các BTN do vi rút gây nên cho bản thân và cộng đồng).

* **Thái độ:** + Tích cực, tự giác cao trong thực hiện các nhiệm vụ học tập; + Có ý thức cao trong bảo vệ sức khỏe bản thân, cộng đồng; + Tích cực tham gia tuyên truyền phòng chống các BTN cho người thân, cộng đồng.

HS xác định các nhiệm vụ cần tiến hành: + Tìm hiểu kiến thức về BTN đang tuyên truyền (tác nhân gây bệnh, phương thức lây truyền, cách phòng chống); + Vẽ tranh tuyên truyền phòng chống BTN; + Viết lời bình cho tranh tuyên truyền; + Trình bày, phản biện trong hội thi.

- HS có thể nêu ý kiến, phản hồi về nhiệm vụ như: các yêu cầu của tranh tuyên truyền bao gồm các tiêu chí nào? Tranh cần thể hiện những thông tin gì?...

(2) Xây dựng kế hoạch trải nghiệm (Rèn luyện KN lập kế hoạch học tập):

- GV hướng dẫn HS xây dựng được kế hoạch trải nghiệm cá nhân, sau đó thảo luận thống nhất kế hoạch của nhóm một cách chi tiết, cụ thể. Ví dụ như:

TT	Thời lượng	Nội dung công việc	Phương pháp	Người thực hiện	Địa điểm	Sản phẩm
1	3 ngày	Tìm hiểu thông tin về BTN	Nghiên cứu tài liệu	Cá nhân	Thư viện	Thông tin về BTN
2	1 buổi	Thảo luận thống nhất ý tưởng của tranh tuyên về truyền phòng tránh một BTN.	Thảo luận nhóm	Toàn nhóm	Nhà HS	Ý tưởng về bố cục tranh
3	2 ngày	Vẽ tranh, viết lời bình tuyên truyền.	Thảo luận, vẽ	Cá nhân/ Nhóm	Nhà HS	Tranh vẽ
4	45 phút	Tham gia hội thi Vẽ tranh tuyên truyền phòng tránh BTN	Thuyết trình tranh, thảo luận	Cá nhân/ nhóm	Phòng học của lớp	Bộ tranh tuyên truyền

(3) *Trải nghiệm cụ thể* (Rèn luyện KN thu thập và KN xử lý thông tin)

HS sẽ trải nghiệm, thực hiện nhiệm vụ của hoạt động:
 - Cá nhân HS tìm hiểu thông tin về BTN cần tuyên truyền (phương thức lây truyền, triệu chứng, cách phòng tránh) qua tài liệu, sách, báo, internet;
 - Nhóm thảo luận để thống nhất ý tưởng về tranh tuyên truyền dựa trên thông tin các thành viên trong nhóm thu thập được;
 - Nhóm thực hiện vẽ tranh, trang trí tranh tuyên truyền, viết lời bình cho tranh.

(4) *Chia sẻ, PT-TH hình thành kiến thức* (Rèn luyện KN xử lý thông tin và KN vận dụng thông tin):

- MC của hội thi giới thiệu ban tổ chức, ban giám khảo (BGK) hội thi: GV bộ môn Sinh (trưởng BGK) và 4 HS được tập huấn nhanh thành nhóm chuyên gia;

- GV phổ biến nội quy của cuộc thi, thang điểm chấm cho các sản phẩm của hội thi MC giới thiệu phần thi của các nhóm;

- Đại diện nhóm thuyết trình sản phẩm: + Ý tưởng tuyên truyền phòng chống BTN của nhóm; + Ý nghĩa của tranh;

- Các HS khác nêu câu hỏi liên quan để trao đổi về BTN được thể hiện trong tranh.

- Đại diện nhóm thuyết trình tranh, trả lời, trao đổi thông tin;

- Các thành viên khác trong nhóm có thể bổ sung thông tin cho phần trao đổi;

- BGK quan sát sản phẩm của các nhóm và lắng nghe phần thuyết trình của nhóm;

- BGK nêu những câu hỏi

định hướng giúp HS phân tích, xử lý các thông tin. Với 4 BTN đã đề cập ở phần trên, GV có thể chuẩn bị các câu hỏi như sau: 1) *Làm sao để biết bạn có bị nhiễm virut viêm gan B (HBV) không?*; 2) *Khi bị viêm gan B, người bệnh cần chăm sóc bản thân như thế nào?*; 3) *Nếu ăn chung bát, đĩa cùng người bị viêm gan B thì có nhiễm bệnh không?*; 4) *Người bị bệnh dại có thể truyền bệnh sang người khác không?*; 5) *Trong trường hợp nào, người bị súc vật cắn phải đi tiêm phòng dại ngay?*; 6) *Trường hợp nào chỉ cần theo dõi chó, mèo và theo dõi trong bao lâu?*; 7) *Khi trẻ bị cảm hay cúm, có nên cho trẻ uống aspirin?*; 8) *Dùng kháng sinh để điều trị cảm hay cúm có tác dụng không?*; 9) *Người nhiễm HIV ở thời kì cửa sổ, xét nghiệm vẫn âm tính, vậy có lây cho người khác không?*; 10) *HIV có trong*

nước bọt, vậy ăn uống chung có bị lây bệnh không? Bị người nhiễm HIV cắn có bị lây không?

- Các thành viên BGK chấm điểm dựa trên các tiêu chí (bố cục, thẩm mỹ, ý nghĩa của tranh, phần thuyết trình và phần biện của nhóm) trên phiếu chấm điểm cá nhân;

- Thư kí tổng hợp điểm trung bình, giải được xếp theo điểm trung bình (kinh phí xin hỗ trợ từ quỹ lớp);

- GV đánh giá, nhận xét hoạt động của cả 4 nhóm. HS rút kinh nghiệm cho bản thân.

5) *Vận dụng* (Rèn luyện KN xử lý thông tin, KN vận dụng thông tin):

- GV định hướng các tình huống, các bài tập để HS tiến hành thử nghiệm. Ví dụ:

Bài tập: Nghiên cứu thông tin trong hình ảnh dưới đây:

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA LÂY NHIỄM VIRUS EBOLA

■ Các hình thức lan truyền

- Tiếp xúc trực tiếp với dịch của cơ thể như máu, chất bài tiết...
- Dụng cụ y tế bị nhiễm
- Động vật bị nhiễm
- Không lây truyền qua nước, không khí, thực phẩm

■ Triệu chứng

- Sốt > 38,6°C
- Đau đầu, Nôn mửa, Đau họng
- Xuất huyết trong và ngoài (Trong gần 50 ca mắc)
- Suy yếu chức năng gan, thận
- Tiểu chảy
- Đau cơ, Phát ban

■ Đối với nhân viên y tế tại vùng dịch

- Phòng vệ tối đa để tránh lây nhiễm virus
- Bảo vệ mắt, Đeo mặt nạ
- Mặc đồ bảo hộ
- Găng tay
- Tap đế không thấm nước
- Ủng cao su

■ Đối với du khách

- Tránh tiếp xúc với bệnh nhân nhiễm bệnh
- Tránh đến các bệnh viện nơi đang điều trị bệnh nhân bị nhiễm
- Rửa tay thường xuyên
- Theo dõi sức khỏe sau khi trở về từ vùng có dịch

Nguy cơ bị lây nhiễm (theo Tổ chức Y tế thế giới)

- Trên máy bay (tỷ lệ thấp)
- Đến một trong các quốc gia có dịch (tỷ lệ rất thấp)

CDC khuyến cáo*

- Cấp độ 3: Tránh đến những điểm du lịch không cần thiết
- Cấp độ 2: Tăng cường các biện pháp phòng ngừa bệnh

Quá trình phát triển bệnh

Nhiễm: Người bệnh chưa có khả năng truyền nhiễm cho tới khi các triệu chứng xuất hiện thực sự (trung bình trong 8-10 ngày)

Thời gian ủ bệnh: 2 - 21 ngày

Triệu chứng: Từ vong trong khoảng từ ngày thứ 6-16

Tỷ lệ tử vong: 55%

Map of West Africa: GUINEA, SIERRA LEONE, LIBERIA, NIGERIA. Cities marked: CONAKRY, FREETOWN, MONROVIA, LAGOS.

*Atlanta's Centers for Disease Control and Prevention AFP Thanhphong

Nghiên cứu thông tin trong tranh tuyên truyền bệnh Ebola trên, em hãy:

Nhận biết:

1. Nêu tác nhân gây bệnh Ebola, các triệu chứng của bệnh Ebola

2. Cho biết bệnh Ebola lây truyền qua những con đường nào?

Hiểu:

3. Cho biết chúng ta cần làm gì để phòng bệnh Ebola?

4. Trình bày phương pháp điều trị bệnh sốt xuất huyết do vi rút Ebola.

Vận dụng thấp:

5. Cho biết khi chăm sóc bệnh nhân bị bệnh Ebola cần chú ý những điều gì?

(Xem tiếp trang 36)

Phần 2. Định hướng giảng dạy: GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm giúp SV học tập một cách chủ động và được trải nghiệm.

Trong bài toán 1, để tạo động cơ học tập cho SV, GV đưa ra tình huống được thể hiện thông qua nghiên cứu trường hợp đã nêu, từ đó sử dụng phương pháp mô hình hóa bằng ngôn ngữ toán học để đưa về bài toán cực trị của hàm số hai biến số: $TR = 320x - 2x^2 - 3xy - 5y^2 + 540y + 2000$, với điều kiện $x + 4y = 180$.

Với bài toán 2 và bài toán 3, GV cần: - Tạo hứng thú cho SV khi tiếp nhận các khái niệm, phương pháp tìm cực trị của hàm số hai biến số (nhằm giải quyết mục tiêu trang bị kiến thức khoa học cơ bản); - Giúp SV vận dụng tổng hợp các kiến thức về bài toán cực trị, ý nghĩa toán học cũng như ý nghĩa kinh tế để vận dụng vào giải quyết tình huống đưa ra; - Củng cố kiến thức, qua đó KNNN được hình thành và rèn luyện. Dựa trên các cơ sở tin cậy, giúp quản trị của công ty đưa ra quyết định giá bán, kiểm tra sự thay đổi và điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường. Qua các bài toán này mà kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin và kĩ năng ra quyết định của SV được nâng cao.

Với nội dung tự học có hướng dẫn: GV cần xác định nhiệm vụ cụ thể, chẳng hạn để tiến hành nghiên cứu tình huống học tập "Tối ưu trong quản trị sản xuất", SV cần tiến hành như sau: - Bên cạnh việc quan sát và tìm hiểu trực tiếp, SV cần biết khai thác công nghệ thông tin để tìm kiếm thông tin về những hoạt động phổ biến trong sản xuất; - Tìm hiểu và huy động một số kiến thức liên môn, kiến thức

chuyên ngành như: sản xuất độc quyền, sản xuất ngắn hạn, doanh nghiệp được phép phân biệt giá bán và không phân biệt giá bán,...; - Tìm hiểu nhu cầu sử dụng công cụ cực trị trong quản trị sản xuất tối ưu,...

3. Kết luận

Rèn luyện KNNN cho SV là một trong những nhiệm vụ cơ bản của các trường đại học, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Việc xây dựng một số cách thức giúp SV đại học ngành QTKD thiết lập được mối liên hệ giữa TCC với thực tiễn hoạt động nghề QTKD và đề xuất mẫu thiết kế giáo án theo định hướng kết hợp giảng dạy kiến thức với rèn luyện KNNN góp phần rèn thói quen tích lũy kiến thức nghề nghiệp cho SV. Điều này cho thấy một hướng rèn luyện KNNN cho SV đại học ngành QTKD thông qua giảng dạy học phần TCC. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (2013). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Đức Trí (1996). *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề* (Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số: 93-38-24). Viện Nghiên cứu Đại học và trung học chuyên nghiệp Hà Nội.
- [3] Nguyễn Cảnh Toàn - Lê Khánh Bằng (2009). *Phương pháp dạy và học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Thị Sơn (2008). *Bài giảng Toán cao cấp*. NXB Lao động - Xã hội
- [5] Đỗ Hoàng Toàn (2012). *Quản trị kinh doanh*. NXB Lao động.

Rèn luyện cho học sinh kĩ năng...

(Tiếp theo trang 44)

6. Viết một bài thuyết trình tuyên truyền phòng chống lây nhiễm bệnh Ebola.

Vận dụng cao:

7. Trình bày quan điểm của em về quan điểm: dịch Ebola còn nguy hiểm hơn cả HIV/AIDS.

8. Cho biết quan điểm của em về nhận định: "Các nghi thức tang lễ truyền thống trong đó có việc tắm rửa, thay quần áo cho người chết chính là điều kiện thuận lợi cho các ổ dịch".

3. Kết luận

Dựa trên cơ sở nghiên cứu lí luận về tự học và HĐTĐN kết hợp với thực tiễn dạy học Sinh học, chúng tôi đã đề xuất quy trình HĐTĐN để rèn luyện KNTĐ cho HS trong phần Sinh học VSV (SH10). Tổ chức tốt các HĐTĐN trong dạy học ngoài việc rèn luyện cho HS KNTĐ còn tạo được cho học sinh động cơ học tập tích cực, tăng hứng thú học tập của HS đối với bộ môn Sinh học, góp phần đổi mới cách dạy, cách học một cách hiệu quả, tăng cường các hoạt động

tương tác giữa HS-HS, giữa HS-GV, tăng tính năng động sáng tạo của HS đáp ứng được nhu cầu đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [2] Trần Thị Minh Hằng (2011). *Tự học và yếu tố tâm lí cơ bản trong tự học của sinh viên sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thị Liên (chủ biên) - Nguyễn Thị Hằng - Tưởng Duy Hải - Đào Thị Ngọc Minh (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Ngô Thị Tuyên (2015). *Khái niệm hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. <http://congnghegiaoduc.vn/15/10/2016>.
- [5] Roegiers, Xavier (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (bản dịch). NXB Giáo dục.